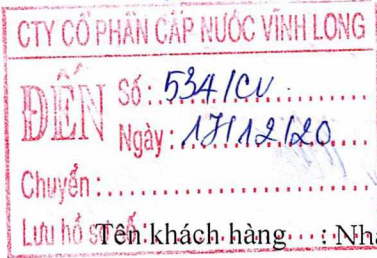


Số: 1064 /KSBT-XN-CĐHA-TDCN



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
Mã số mẫu: 1044.20



Tên khách hàng: Nhà máy nước Trường An

Địa chỉ : Số 519, Tân Vĩnh Thuận, Phường Tân Ngãi, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
Người lấy mẫu : Lưu Thị Xuân Mai
Địa điểm lấy mẫu : tại nhà máy nước.
Ngày lấy mẫu : 1/12/2020
Tên mẫu : Nước ăn uống S392
Lượng mẫu : 1 đv x 2lít, 1 đv x 500ml
Ngày nhận mẫu : 01/12/2020
Tình trạng mẫu : Mẫu còn nguyên niêm phong.

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

| Stt | Chỉ tiêu | Phương pháp | Kết quả | Tiêu chuẩn | Ngày kiểm nghiệm |
|-----|--|--|-------------------------------------|--------------------|------------------|
| 1 | Độ đục | SMEWW 2017-2130 B | 0,46 NTU | ≤ 2 NTU | 01/12/2020 |
| 2 | Màu sắc | SMEWW 2017-2120 C | < 5 TCU | ≤ 15 TCU | 01/12/2020 |
| 3 | Mùi vị | Cảm quan | Không có mùi vị lạ | Không có mùi vị lạ | 01/12/2020 |
| 4 | pH | TCVN 6492-2011 | 7,34 | 6,5 - 8,5 | 01/12/2020 |
| 5 | Độ cứng, tính theo CaCO ₃ | SMEWW 2017-2340 C (*) | 46 mg/L | ≤ 300 mg/L | 01/12/2020 |
| 6 | Hàm lượng Clorua | SMEWW 2017-4500-Cl ⁻ - B | 13,99 mg/L | ≤ 250 mg/L | 01/12/2020 |
| 7 | Nitrit (NO ₂ ⁻) | SMEWW 2017-4500-NO ₂ ⁻ B (*) | Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/L | ≤ 3 mg/L | 01/12/2020 |
| 8 | Nitrat (NO ₃ ⁻) | TCVN 6180-1996 | 1,29 mg/L | ≤ 50 mg/L | 01/12/2020 |
| 9 | Sắt tổng số (Fe) | SMEWW 2017-3500-Fe-B (*) | 0,05 mg/L | ≤ 0,3 mg/L | 01/12/2020 |
| 10 | Mangan tổng số (Mn) | SMEWW 2017-3500-Mn-B (*) | Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/L | ≤ 0,3 mg/L | 01/12/2020 |
| 11 | Chỉ số permanganate | TCVN 6186-1996 | 0,77 mg/L | ≤ 2 mg/L | 01/12/2020 |
| 12 | Sunfat (SO ₄ ⁻) | US-EPA 1997-375.4 | 13,50 mg/L | ≤ 250 mg/L | 01/12/2020 |
| 13 | Clo dư (đo tại hiện trường) | HACH (DPD Free Chlorine) | 0,5 mg/L | 0,3 - 0,5 mg/L | 01/12/2020 |
| 14 | Coliform tổng cộng | TCVN 6187-1:2009 (*) | 0/100 mL | 0/100 mL | 01/12/2020 |
| 15 | E.coli | TCVN 6187-1:2009 (*) | 0/100 mL | 0/100 mL | 01/12/2020 |

Chú thích:

- (*): Phép thử đã được công nhận phù hợp theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.

Nhận xét: Mẫu nước ăn uống có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống QCVN 01:2009/BYT do Bộ Y tế ban hành.

Ghi chú: - *Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.*

Vĩnh Long, ngày 14 tháng 12 năm 2020

TRƯỞNG KHOA XN-CĐHA-TDCN



KS. Võ Thành Phương



KT. GIÁM ĐỐC
BSCKI. Võ Thế Châu